

GIẢI THÍCH ĐIỀU ƯỚC BỞI CƠ QUAN TÀI PHÁN QUỐC TẾ PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM SỰ THỐNG NHẤT CỦA LUẬT QUỐC TẾ

VŨ QUỐC TUẤN *

Tóm tắt: Sự hình thành và phát triển đa dạng của các ngành luật và cơ quan tài phán quốc tế đã kéo theo sự phân mảnh của luật quốc tế - một xu hướng cho thấy luật quốc tế bị chia tách thành những quy phạm và cơ quan chuyên biệt, đồng thời có thể dẫn đến cách diễn giải mâu thuẫn hoặc thiếu thống nhất. Trong bối cảnh đó, giải thích điều ước đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự thống nhất của luật quốc tế. Sử dụng các phương pháp giải thích được quy định tại Điều 31, Điều 32 Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969, cho phép cơ quan tài phán quốc tế bảo đảm sự nhất quán trong lập luận pháp lí của mình, cũng như liên kết các quy phạm khác nhau trong tổng thể hệ thống, qua đó giúp duy trì tính thống nhất trước xu hướng phân mảnh của luật quốc tế.

Từ khoá: Giải thích điều ước; cơ quan tài phán quốc tế; sự thống nhất của luật quốc tế; sự phân mảnh của luật quốc tế

Nhận bài: 29/10/2025

Hoàn thành biên tập: 25/02/2026

Duyệt đăng: 25/02/2026

TREATY INTERPRETATION BY INTERNATIONAL JUDICIAL BODIES - A MEANS TO ENSURE THE CONSISTENCY OF INTERNATIONAL LAW

Abstract: The formation and development of different branches of law and international judicial bodies have led to the fragmentation of international law - a trend that shows international law being divided into specialised rules and institutions, which may result in conflicting or inconsistent interpretations. Against this backdrop, the interpretation of treaties plays a crucial role in ensuring the consistency of international law. The use of interpretative methods provided under Articles 31 and 32 of the 1969 Vienna Convention on the Law of Treaties enables international judicial bodies to maintain consistency in their legal reasoning and to connect different norms within the broader legal system, thereby supporting the maintenance of consistency in the face of the growing fragmentation of international law.

Keywords: Treaty interpretation; international judicial bodies; consistency of international law; fragmentation of international law

Received: 29 October 2025; Editing completed: 25 February 2026; Accepted for publication: 25 February 2026

1. Đặt vấn đề

Hệ thống Westphalia được xem như nền tảng của trật tự pháp lí quốc tế, trong đó quốc gia là chủ thể cơ bản với đầy đủ quyền năng trong quan hệ được luật quốc tế điều

chỉnh. Tuy nhiên, luật quốc tế ngày nay là một hệ thống “điều chỉnh vô số quyền và nghĩa vụ trải dài và vượt qua cả các đường biên giới, xuyên thủng bức màn của chủ nghĩa chủ quyền quốc gia”¹. Chẳng hạn,

* Thạc sĩ, Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao
E-mail: vqt2510@gmail.com

¹ Thomas M. Franck (1995), *Fairness in International Law and Institutions*, Oxford University Press, Anh,

nguyên tắc về quyền tài phán phổ quát (universal jurisdiction) thể hiện rằng các quốc gia có thể thực hiện quyền tài phán hình sự đối với tội phạm quốc tế ngay cả khi quốc gia đó không có mối liên hệ về quốc tịch với người phạm tội, nạn nhân hay nơi thực hiện hành vi phạm tội². Hiện tượng này xuất phát từ sự phát triển của các vấn đề quốc tế như biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, xung đột vũ trang... với tính chất vượt qua phạm vi biên giới quốc gia truyền thống.

Nhằm giải quyết yêu cầu khách quan đó, các ngành luật cũng như cơ quan tài phán quốc tế đã hình thành và phát triển trong trật tự pháp lí quốc tế. Tuy nhiên, do không có thứ bậc giữa các quy phạm của luật quốc tế, hệ thống này phát triển theo chiều ngang và dần xuất hiện sự phân mảnh (fragmentation) - một xu hướng cho thấy luật quốc tế bị chia tách thành những quy phạm và cơ quan chuyên biệt, đồng thời có thể dẫn đến cách diễn giải mâu thuẫn hoặc thiếu thống nhất³. Nói cách khác, sự phân mảnh là hiện tượng phát sinh từ sự đa dạng hoá và mở rộng của luật quốc tế, tạo ra nguy cơ xung đột giữa

các quy phạm và thực tiễn tại các cơ quan tài phán⁴. Tuy nhiên, bản thân luật quốc tế cũng có những công cụ đảm bảo tính thống nhất trong đó, đặc biệt là các phương pháp giải thích điều ước được ghi nhận tại Điều 31 và Điều 32 Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969 (sau đây gọi tắt là Công ước Viên năm 1969). Các phương pháp này được sử dụng linh hoạt bởi các cơ quan tài phán để giải quyết mối quan hệ giữa các quy phạm của luật quốc tế, qua đó góp phần đảm bảo tính thống nhất trong quá trình phát triển của luật quốc tế hiện nay.

2. Giải thích điều ước - phương thức bảo đảm tính thống nhất của luật quốc tế

Điều 31 và Điều 32 Công ước Viên năm 1969 cung cấp một hệ thống phương pháp giải thích điều ước có tính hỗ trợ lẫn nhau và được áp dụng như tập quán quốc tế⁵. Cụ thể, Điều 31 Công ước là sự kết hợp của tất cả các quy tắc chính về giải thích điều ước bao gồm: 1) ý định của các bên; 2) nghĩa thông thường; 3) mục đích và đối tượng⁶. Theo đó,

tr. 5 - 6. Nguyên văn: "... governing a myriad of rights and duties that stretch across and beyond national boundaries, piercing the statist veil...".

² Carlo Focarelli (2019), *International Law*, Edward Elgar Publishing, Anh, tr. 465.

³ James Crawford (2014), *Chance, Order, Change: The Course of International Law - General Courses on Public International Law*, The Hague Academy of International Law, Maubeuge, tr. 308; Nguyễn Hồng Thao (2025), "Bảo đảm thực hiện luật quốc tế trong bối cảnh mới", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo đảm thực hiện luật quốc tế - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 7.

⁴ International Law Commission (2006), *Fragmentation of international law: difficulties arising from the diversification and expansion of international law*, A/CN.4/L.682, đoạn 14, tr. 11, https://legal.un.org/ilc/documentation/english/a_cn4_l682.pdf, truy cập 21/4/2025.

⁵ Toà án Công lí quốc tế (1994), *Tranh chấp lãnh thổ (Libyan Arab Jamahiriya/Chad)* (Phán quyết ngày 03/02/1994), đoạn 41; International Law Commission (2018), *Draft conclusions on subsequent agreements and subsequent practice in relation to the interpretation of treaties*, tr. 2, https://legal.un.org/ilc/texts/instruments/english/draft_articles/1_11_20_18.pdf, truy cập 21/4/2025.

⁶ Xem thêm tại: G. G. Fitzmaurice (1951), "Law and Procedure of the International Court of Justice:

điều ước phải được giải thích một cách thiện chí phù hợp với nghĩa thông thường của các thuật ngữ đặt trong bối cảnh của chúng và theo mục đích, đối tượng của điều ước đó. Tuy nhiên, một thuật ngữ sẽ được hiểu theo nghĩa đặc biệt (không theo nghĩa thông thường) nếu đó là ý định của các bên kí kết (Điều 31(4) Công ước Viên năm 1969). Để làm rõ bối cảnh nhằm mục đích giải thích điều ước, Điều 31(2) còn tính đến mọi thoả thuận, văn kiện liên quan đến điều ước đó. Ngoài ra, giải thích điều ước còn mở rộng đến các thoả thuận sau này giữa các bên về việc giải thích hoặc áp dụng các quy định của điều ước; thực tiễn áp dụng sau này được các bên thoả thuận liên quan đến việc giải thích điều ước và các quy định liên quan của luật quốc tế áp dụng trong quan hệ giữa các bên (Điều 31(3) Công ước Viên năm 1969). Bên cạnh đó, các phương pháp bổ trợ quy định tại Điều 32 Công ước còn cho phép sử dụng các văn kiện chuẩn bị (*travaux préparatoires*) và hoàn cảnh kí kết để khẳng định hoặc làm rõ nghĩa hơn sau khi áp dụng Điều 31.

Thời gian qua, cộng đồng quốc tế đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể về số lượng điều ước quốc tế đa phương⁷. Kể cả khi không xem xét đến điều ước song phương thì sự phát triển đa dạng của luật quốc tế là không thể tránh khỏi: từ các nguyên tắc chung của luật trở thành các quy phạm điều ước chuyên biệt như luật thương mại quốc

tế, luật biển, luật môi trường quốc tế...⁸ Song, ngoại trừ “*jus cogens*” - quy phạm mệnh lệnh bắt buộc (Điều 53 Công ước Viên năm 1969), không có thứ bậc giữa các quy phạm điều ước⁹. Nhằm liên kết các quy phạm với nhau, phương pháp tích hợp hệ thống (*systemic integration*) được quy định tại Điều 31(3)(c) Công ước Viên năm 1969, trong đó xem xét đến các quy định liên quan của luật quốc tế áp dụng trong quan hệ giữa các bên, bảo đảm điều ước được giải thích trong khuôn khổ hệ thống luật quốc tế, thay vì giải thích một cách riêng rẽ và thúc đẩy sự phân mảnh của luật quốc tế. Phương pháp này đóng vai trò là “chìa khoá vạn năng” trong giải quyết mâu thuẫn, xung đột hoặc chòng chẹo giữa các quy phạm khi các phương pháp giải thích khác chưa thể đạt được một giải pháp hài hoà¹⁰.

Bên cạnh đó, thực tiễn giải thích điều ước cho thấy các cơ quan tài phán như Tòa án Công lí quốc tế (ICJ) có thể xem xét cách sử dụng đương thời của thuật ngữ (gắn với sự phát triển của luật quốc tế) thay vì chỉ xem xét tại thời điểm soạn thảo điều ước¹¹. Điều này thể hiện một cách tiếp cận hướng

⁸ International Law Commission (2006), tldđ, đoạn 8, tr. 10.

⁹ Các quy phạm điều ước có giá trị ngang nhau, trừ khi các chủ thể của luật quốc tế có thoả thuận khác.

¹⁰ International Law Commission (2006), tldđ, đoạn 420, tr. 86.

¹¹ Xem thêm tại: ICJ (1978), *Thêm lục địa biển Aegean (Hy Lạp v. Thổ Nhĩ Kỳ)* (Phán quyết ngày 19/12/1978), đoạn 77-80; ICJ (2009), *Tranh chấp liên quan đến quyền đi lại của tàu thuyền và các quyền liên quan (Costa Rica v. Nicaragua)* (Phán quyết ngày 13/7/2009), đoạn 63-70.

Treaty Interpretation and Certain Other Treaty Points”, *British Year Book of International Law*, 28, tr. 1 - 28.

⁷ International Law Commission (2006), tldđ, đoạn 7, tr. 10.

tới các giá trị hiện đại và vượt qua chủ nghĩa chủ quyền quốc gia¹². Tuy nhiên, phương pháp giải thích tiến hoá (evolutionary interpretation)¹³ nêu trên không phải một phương pháp giải thích riêng biệt mà thực chất là kết quả của việc áp dụng Điều 31, Điều 32 Công ước Viên năm 1969 trên cơ sở từng trường hợp cụ thể¹⁴. Theo Ủy ban Luật quốc tế của Liên hợp quốc (ILC), “các thoả thuận và thực tiễn sau này theo các điều 31 và 32 có thể hỗ trợ trong việc xác định liệu ý định được cho là của các bên khi kí kết điều ước có phải là sử dụng một thuật ngữ với ý nghĩa có khả năng thay đổi theo thời gian hay không”¹⁵.

Có thể thấy, ý định của các bên là yếu tố quan trọng trong việc giải thích điều ước, thậm chí quyết định tính chuyên biệt hay tổng quát của một quy định hoặc ưu tiên quy

định trước hay sau đó¹⁶ nhằm giảm thiểu xung đột quy phạm (normative conflict) trong hệ thống luật quốc tế.

3. Thực tiễn giải thích điều ước bởi các cơ quan tài phán quốc tế: Phân mảnh hay thống nhất?

3.1. Sự thống nhất trong thực tiễn giải thích điều ước bởi cơ quan tài phán quốc tế

Trước hết, thẩm quyền giải thích điều ước thuộc về quốc gia - chủ thể cơ bản của luật quốc tế. Khi các quốc gia không thể đạt được đồng thuận về việc giải thích điều ước, các cơ quan tài phán quốc tế được trao thẩm quyền để thực hiện công việc này, thường thông qua quy định trong điều ước¹⁷ như Điều 36 Quy chế ICJ.

Trên thực tế, giải thích điều ước không bảo đảm một cách tuyệt đối sự thống nhất của luật quốc tế, nhất là giữa các cơ quan tài phán với nhau. Ví dụ điển hình là sự xung đột quy phạm giữa tiêu chuẩn “kiểm soát hiệu quả” (effective control) được đưa ra bởi ICJ trong vụ Hoạt động quân sự và bán quân sự trong và chống lại Nicaragua (Nicaragua v. Hoa Kỳ)¹⁸ và tiêu chuẩn “kiểm soát chung” (overall control) được đề xuất bởi Tòa án Hình sự quốc tế về Nam Tư cũ (ICTY) trong vụ Tadić¹⁹. Theo ICJ, “kiểm soát hiệu quả” ám chỉ quyền kiểm soát đối với bất kì hành

¹² Carlo Focarelli (2019), *tlđđ*, tr. 174.

¹³ Xem thêm tại: Eirik Bjorge (2014), *The Evolutionary Interpretation of Treaties*, Oxford University Press, Anh; Isabelle Van Damme (2014), “Is Evolutionary Interpretation Only A Matter of Finding the Parties’ Intentions?”, *EJIL:Talk!*, <https://www.ejiltalk.org/is-evolutionary-interpretation-only-a-matter-of-finding-the-parties-intentions/>, truy cập 21/4/2025; Georges Abi-Saab, et al. (eds) (2019), *Evolutionary Interpretation and International Law*, Hart Publishing, Anh.

¹⁴ United Nations (2013), *Report of the International Law Commission - Sixty-fifth session (6 May-7 June and 8 July-9 August 2013)*, A/68/10, tr. 27, https://legal.un.org/ilc/documentation/english/reports/a_68_10.pdf, truy cập 21/4/2025.

¹⁵ International Law Commission (2018), *tlđđ*, tr. 3. Nguyên văn: “*Subsequent agreements and subsequent practice under articles 31 and 32 may assist in determining whether or not the presumed intention of the parties upon the conclusion of the treaty was to give a term used a meaning which is capable of evolving over time*”.

¹⁶ International Law Commission (2006), *tlđđ*, đoạn 410, tr. 84.

¹⁷ Carlo Focarelli (2019), *tlđđ*, tr. 174.

¹⁸ Xem thêm tại: ICJ (1986), *Hoạt động quân sự và bán quân sự trong và chống lại Nicaragua (Nicaragua v. Hoa Kỳ)* (Phán quyết ngày 27/6/1986), đoạn 105-115.

¹⁹ Xem thêm tại: ICTY, Appeals Chamber (1999), *Prosecutor v. Duško Tadić (15/7/1999)*, đoạn 115-162.

vi nào do lực lượng phiến quân Nicaragua khi đó thực hiện. Trong khi đó, ICTY áp dụng tiêu chuẩn “kiểm soát chung” hay kiểm soát tổng thể trong trường hợp hành vi được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức và cơ cấu phân cấp. Điều này trái ngược với tiêu chuẩn “kiểm soát hiệu quả” có thể áp dụng đối với hành vi được thực hiện bởi các cá nhân riêng lẻ hoặc một nhóm không có tổ chức²⁰. Sau này, trong vụ *Áp dụng Công ước về ngăn chặn và trừng phạt tội ác diệt chủng (Bosnia và Herzegovina v. Serbia và Montenegro)*, ICJ không áp dụng tiêu chuẩn “kiểm soát chung” với một trong những lí do là mở rộng quá mức phạm vi trách nhiệm quốc gia (khác với trách nhiệm hình sự cá nhân như trong vụ *Tadić*)²¹. Bài viết này không nhằm đưa ra quan điểm ủng hộ hoặc phản đối tiêu chuẩn nào nêu trên nhưng có thể thấy sự thống nhất trong cách tiếp cận của ICJ với cùng một vấn đề pháp lí (trong trường hợp này là trách nhiệm quốc gia).

Một ví dụ khác về sự thống nhất trong giải thích điều ước của ICJ là vụ *LaGrand (Đức v. Hoa Kỳ)* và vụ *Jadhav (Ấn Độ v. Pakistan)* liên quan đến Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963 (Công ước Viên năm 1963).

Năm 1999, Đức khởi kiện Hoa Kỳ trước ICJ về việc bắt giữ, bắt giam, xét xử, kết án và tử hình đối với Karl và Walter LaGrand -

công dân Đức²². Đức cho rằng Hoa Kỳ đã vi phạm quy định của Công ước Viên năm 1963 vì không thông báo ngay cho anh em LaGrand về quyền liên hệ với lãnh sự quán Đức theo Điều 36(1)(b) Công ước tại thời điểm bắt giữ vào năm 1982, từ đó tước đi khả năng hỗ trợ lãnh sự của Đức và cuối cùng dẫn đến việc họ bị hành quyết²³. Về vấn đề này, bằng phương pháp giải thích điều ước theo nghĩa thông thường của thuật ngữ, ICJ giải thích Điều 36(1) Công ước Viên năm 1963 thiết lập quy chế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ lãnh sự, trong đó Điều 36(1)(b) ghi nhận nghĩa vụ của nước tiếp nhận đối với người bị bắt giam và nước cử²⁴. Việc Đức không thể thực hiện các quyền của mình quy định tại Điều 36(1)(a) (c) là hệ quả của vi phạm nghĩa vụ của Hoa Kỳ theo Điều 36(1)(b)²⁵. Hơn nữa, Tòa án còn kết luận rằng Điều 36(1) tạo ra các quyền cá nhân cho người bị giam giữ và điều này không ngăn cản một quốc gia tiến hành các thủ tục tư pháp quốc tế thay mặt cho công dân đó²⁶.

Trong khi đó, tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan liên quan đến việc bắt giữ, bắt giam, xét xử và tử hình đối với Kulbhushan Sudhir Jadhav - công dân Ấn Độ, người bị buộc tội gián điệp và khủng bố²⁷. Ấn Độ cáo buộc Pakistan đã vi phạm nghiêm trọng Điều

²⁰ Carlo Focarelli (2019), t.lđđ, tr. 597-598.

²¹ ICJ (2007), *Áp dụng Công ước về ngăn chặn và trừng phạt tội ác diệt chủng (Bosnia và Herzegovina v. Serbia và Montenegro)* (Phán quyết ngày 26/02/2007), đoạn 401-406.

²² ICJ (2001), *LaGrand (Đức v. Hoa Kỳ)* (Phán quyết ngày 27/6/2001), đoạn 10.

²³ ICJ (2001), t.lđđ, đoạn 12.

²⁴ ICJ (2001), t.lđđ, đoạn 74, 77.

²⁵ ICJ (2001), t.lđđ, đoạn 73.

²⁶ ICJ (2001), t.lđđ, đoạn 42, 77.

²⁷ ICJ (2019), *Jadhav (Ấn Độ v. Pakistan)* (Phán quyết ngày 17/7/2019), đoạn 21, 35.

36 Công ước Viên năm 1963 khi không thông báo ngay cho Ấn Độ về việc bắt giữ ông Jadhav, không thông báo cho ông Jadhav về các quyền của mình theo Điều 36 Công ước cũng như từ chối cho các viên chức lãnh sự Ấn Độ tiếp cận ông²⁸. Tương tự như cách tiếp cận trong vụ LaGrand, ICJ sử dụng phương pháp giải thích điều ước theo nghĩa thông thường của thuật ngữ, đồng thời kết hợp xem xét travaux préparatoires để đi đến kết luận rằng Pakistan đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 36(1)(a) (c) bằng cách tước đi quyền của Ấn Độ trong việc thăm hỏi, liên lạc và sắp xếp đại diện pháp lí cho ông Jadhav²⁹. Toà án một lần nữa khẳng định Điều 36(1) Công ước Viên năm 1963 tạo ra các quyền cá nhân như đã nêu trong phán quyết vụ LaGrand³⁰. Đặc biệt, khi xem xét liệu có ngoại lệ đối với Điều 36 trong trường hợp gián điệp hay không, ICJ đã giải thích dựa trên nghĩa thông thường của thuật ngữ, bối cảnh, đối tượng và mục đích của Công ước Viên năm 1963 (nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hữu nghị và chức năng lãnh sự); tham khảo travaux préparatoires bởi ILC (1960) và Hội nghị Viên năm 1963; xem xét Thỏa thuận năm 2008 về tiếp cận lãnh sự giữa Ấn Độ và Pakistan như điều ước sau này giữa các bên về việc áp dụng quy định của Công ước Viên năm 1963 (không nhằm thay thế các nghĩa vụ quy định tại Điều 36). Theo đó, Toà kết luận rằng không có ngoại lệ

nào như vậy tồn tại trong Công ước Viên năm 1963³¹.

Trong cả hai vụ LaGrand và Jadhav, ICJ đều dựa vào các phương pháp giải thích điều ước được phản ánh trong các điều 31, 32 Công ước Viên năm 1969. Điều này bao gồm việc giải thích một cách thiện chí phù hợp với nghĩa thông thường của các thuật ngữ đặt trong bối cảnh của chúng, theo mục đích và đối tượng của Công ước Viên năm 1963. Bên cạnh đó, toà cũng sử dụng phương pháp bổ trợ (thông qua travaux préparatoires) để khẳng định kết quả giải thích từ các phương pháp chính trên. Hai phán quyết đã chứng minh cho sự nhất quán của ICJ trong lập luận pháp lí (chẳng hạn, cùng khẳng định về các quyền cá nhân theo Điều 36(1) Công ước Viên năm 1963). Hơn nữa, trong từng vụ việc cụ thể, toà cũng có thể làm sâu sắc thêm cách tiếp cận của mình như khi xem xét tính ngoại lệ của trường hợp gián điệp đối với Điều 36 Công ước Viên năm 1963 trong vụ Jadhav.

3.2. Giải quyết mối quan hệ giữa các quy phạm của luật quốc tế

Từ vụ LaGrand và Jadhav trước ICJ, có thể thấy trong các điều ước quốc tế không trực tiếp quy định về quyền con người (trong trường hợp này là Công ước Viên năm 1963) lại tồn tại quy định liên quan đến quyền con người, quyền của cá nhân. Việc quy định của ngành luật này được ghi nhận trong điều ước của ngành luật khác, thậm chí còn xuất hiện trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, như hiệp định thương mại tự do thế

²⁸ ICJ (2019), tldd, đoạn 19.

²⁹ ICJ (2019), tldd, đoạn 99-119.

³⁰ ICJ (2019), tldd, đoạn 116.

³¹ ICJ (2019), tldd, đoạn 71-98.

hệ mới không chỉ hình thành các liên kết kinh tế giữa các quốc gia kí kết mà còn quy định các cam kết phi thương mại như bảo vệ môi trường, bảo đảm tiêu chuẩn lao động³²... Điều này đặt ra yêu cầu giải quyết mối quan hệ giữa các quy phạm của luật quốc tế đối với các cơ quan tài phán.

Năm 2007, Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) nhận được yêu cầu trọng tài đệ trình bởi Urbaser S.A. và Consorcio de Aguas Bilbao Bizkaia, Bilbao Biskaia Ur Partzuergoa (nguyên đơn) chống lại Argentina trên cơ sở Điều X Thỏa thuận về thúc đẩy và bảo hộ đầu tư qua lại (BIT) giữa Argentina và Tây Ban Nha năm 1991³³. Vụ kiện phát sinh từ việc nhượng quyền dịch vụ về nước và nước thải ở Buenos Aires Mở rộng (Greater Buenos Aires), khi nguyên đơn cho rằng chính quyền địa phương đã cản trở hoạt động của việc nhượng quyền và cuối cùng phải chấm dứt vào năm 2006³⁴. Trong phán quyết của mình, toà kết luận rằng Argentina đã vi phạm BIT năm 1991 khi không đảm bảo sự đối xử công bằng và bình đẳng liên quan đến việc đàm phán lại hợp đồng nhượng quyền, đồng

thời bác bỏ phản tố của Argentina liên quan đến quyền con người đối với nước và điều kiện vệ sinh³⁵.

Cụ thể, khi giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và Argentina, toà án đã xem xét mối liên hệ giữa BIT và quyền con người đối với nước và điều kiện vệ sinh cũng như câu hỏi liệu nguyên đơn, với tư cách là nhà đầu tư, có nghĩa vụ theo luật quốc tế hay không. Về vấn đề này, một mặt, toà “miễn cưỡng” chia sẻ lập trường nguyên tắc với nguyên đơn rằng việc đảm bảo quyền con người đối với nước nói riêng và quyền con người nói chung là nghĩa vụ của quốc gia mà không phải của các công ti tư nhân³⁶. Mặt khác, toà cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thương mại quốc tế, bao gồm cả việc tôn trọng quyền con người³⁷. Toà đã dẫn chiếu đến Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966, Tuyên bố ba bên về các nguyên tắc liên quan tới doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội năm 1977 (sửa đổi năm 2006) của Văn phòng Lao động quốc tế và nhận định rằng quyền con người được hỗ trợ bởi nghĩa vụ của tất cả các bên, bao gồm cả công và tư, không tiến hành các hoạt động xâm phạm đến quyền đó³⁸.

Bằng phương pháp giải thích quy định tại Điều 31(3)(c) Công ước Viên năm 1969, toà cho rằng mặc dù mục đích của BIT nhằm

³² Ngô Trọng Quân (2025), “Cơ chế đảm bảo thực hiện luật thương mại quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”, *Ki yếu Hội thảo khoa học cấp Trường “Bảo đảm thực hiện luật quốc tế - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn”*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 33 - 34.

³³ ICSID (2016), *Urbaser S.A. and Consorcio de Aguas Bilbao Bizkaia, Bilbao Biskaia Ur Partzuergoa (Claimants) and the Argentine Republic (Respondent)* (Phán quyết trọng tài ngày 08/12/2016), đoạn 1, https://www.italaw.com/sites/default/files/case-documents/italaw8136_1.pdf, truy cập 26/5/2025.

³⁴ ICSID (2016), tldd, đoạn 34.

³⁵ ICSID (2016), tldd, đoạn 1234.

³⁶ ICSID (2016), tldd, đoạn 1193.

³⁷ ICSID (2016), tldd, đoạn 1195.

³⁸ ICSID (2016), tldd, đoạn 1196-1199.

thúc đẩy đầu tư quốc tế, song điều ước này không thể được xem xét một cách biệt lập mà cần đặt trong hệ thống quy phạm của luật quốc tế, bao gồm cả quyền con người. Cách tiếp cận này được thể hiện tại Điều X(5) BIT khi cho phép tòa đưa ra quyết định dựa trên BIT, các điều ước khác có hiệu lực giữa các bên và các nguyên tắc chung của luật quốc tế³⁹. Điều X(5) BIT giữa Argentina và Tây Ban Nha cũng phù hợp với Điều 42(1) Công ước ICSID⁴⁰. Cụ thể, khi giải quyết tranh chấp, tòa sẽ căn cứ vào các quy phạm mà các bên đã thỏa thuận và nếu không có thỏa thuận như vậy, tòa sẽ áp dụng luật của bên tham gia tranh chấp và các quy phạm của luật quốc tế liên quan⁴¹. Mặc dù Điều X(5) BIT cho phép xem xét các nguyên tắc chung của luật quốc tế nhưng bản thân điều khoản này hay nội dung của BIT không có ý nghĩa mở rộng hay chuyển giao nghĩa vụ liên quan đến quyền con người của quốc gia cho nhà đầu tư⁴². Tòa giải thích thêm rằng quyền con người đối với nước đòi hỏi nghĩa vụ tuân thủ của quốc gia - khác với nghĩa vụ thực thi của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo hợp đồng. Nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc đảm bảo quyền tiếp cận nước của người dân không dựa trên luật quốc tế, mà được hình

thành trên cơ sở BIT và luật pháp của quốc gia tiếp nhận⁴³.

Như vậy, Trọng tài ICSID trong vụ kiện trên đã áp dụng cách tiếp cận tích hợp hệ thống quy định tại Điều 31(3)(c) Công ước Viên năm 1969 để giải quyết mối quan hệ giữa luật đầu tư (BIT giữa Argentina và Tây Ban Nha năm 1991) và quyền con người. Đây được xem như phán quyết đầu tiên cung cấp một cách tiếp cận “nhân quyền” trong trọng tài đầu tư khi xem xét vai trò của các nhà đầu tư liên quan đến nghĩa vụ về quyền con người⁴⁴, qua đó góp phần làm rõ mối quan hệ giữa các quy phạm chuyên biệt cũng như sự thống nhất của luật quốc tế (không cho phép tạo ra ngoại lệ đối với các nghĩa vụ tự nhiên mà các chủ thể của luật quốc tế phải tuân thủ)⁴⁵.

3.3. Sự phối hợp giữa các cơ quan tài phán quốc tế - Ý kiến tư vấn của ICJ về biến đổi khí hậu

Năm 2022, Ủy ban Quốc gia đảo nhỏ về Biến đổi khí hậu và Luật quốc tế (COSIS) đã đệ trình đề nghị ý kiến tư vấn của Tòa án quốc tế về Luật Biển (ITLOS) về nghĩa vụ

³⁹ ICSID (2016), tldđ, đoạn 1200-1201.

⁴⁰ ICSID (2016), tldđ, đoạn 1202.

⁴¹ Nguyên văn: “*The Tribunal shall decide a dispute in accordance with such rules of law as may be agreed by the parties. In the absence of such agreement, the Tribunal shall apply the law of the Contracting State party to the dispute (including its rules on the conflict of laws) and such rules of international law as may be applicable*”.

⁴² ICSID (2016), tldđ, đoạn 1207.

⁴³ ICSID (2016), tldđ, đoạn 1208-1210.

⁴⁴ Xem thêm tại: Edward Guntrip (2017), “*Urbaser v Argentina: The Origins of a Host State Human Rights Counterclaim in ICSID Arbitration?*”, *EJIL:Talk!*, <https://www.ejiltalk.org/urbaser-v-argentina-the-origins-of-a-host-state-human-rights-counterclaim-in-icsid-arbitration/>, truy cập 26/4/2025.

⁴⁵ Sujoy Sur (2017), “*Urbaser v. Argentina: Analysing the Expanding Scope of Investment Arbitration in light of Human Rights Obligations*”, *EFILA Blog*, <https://efilablog.org/2017/05/02/urbaser-v-argentina-analysing-the-expanding-scope-of-investment-arbitration-in-light-of-human-rights-obligations/>, truy cập 26/4/2025.

cụ thể của các quốc gia thành viên của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) đối với 1) ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển liên quan đến những tác động có hại gây ra hoặc có khả năng gây ra do biến đổi khí hậu, bao gồm cả sự nóng lên của đại dương và mực nước biển dâng, axit hoá đại dương, gây ra bởi sự phát thải khí nhà kính do con người tạo ra vào khí quyển và 2) bảo vệ, gìn giữ môi trường biển trước tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm sự nóng lên của đại dương, mực nước biển dâng và axit hoá đại dương⁴⁶. Song song với tiến trình pháp lý tại ITLOS, xuất phát từ ý tưởng của Vanuatu - một quốc gia thành viên của COSIS, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết số 77/276 đề nghị ICJ cho ý kiến tư vấn về nghĩa vụ của các quốc gia trong nỗ lực chống biến đổi khí hậu⁴⁷. ITLOS và ICJ lần lượt đưa ra ý kiến tư vấn của mình vào các năm 2024⁴⁸ và 2025⁴⁹.

⁴⁶ COSIS (2022), *Request for Advisory Opinion (12/12/2022)*, https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/cases/31/Request_for_Advisory_Opinion_COSIS_12.12.22.pdf, truy cập 27/4/2025.

⁴⁷ PV (2024), *Việt Nam tham gia thủ tục ý kiến tư vấn của Tòa án công lý quốc tế ICJ về biến đổi khí hậu*, <https://nhandan.vn/viet-nam-tham-gia-thu-tuc-y-kien-tu-van-cua-toa-an-cong-ly-quoc-te-icj-ve-bien-doi-khi-hau-post801802.html>, truy cập 27/4/2025. Xem thêm tại: General Assembly (2023), *Resolution A/RES/77/276 (29/3/2023)*, tr. 3, <https://docs.un.org/en/A/RES/77/276>, truy cập 27/4/2025.

⁴⁸ Xem thêm tại: ITLOS (2024), *Đề nghị ý kiến tư vấn đệ trình bởi COSIS (Ý kiến tư vấn ngày 21/5/2024)*, https://www.itlos.org/fileadmin/itlos/documents/cases/31/Advisory_Opinion/C31_Adv_Op_21.05.2024_orig.pdf, truy cập 27/4/2025.

⁴⁹ Xem thêm tại: ICJ (2025), *Nghĩa vụ của các quốc*

Về cơ bản, hai ý kiến tư vấn trên đều liên quan đến nghĩa vụ của quốc gia theo luật quốc tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, mỗi cơ quan tài phán quốc tế lại có quy định riêng về luật áp dụng. Cụ thể, Điều 38(1) Quy chế ICJ cho phép tòa xem xét các điều ước, tập quán quốc tế, nguyên tắc pháp luật chung và các nguồn bổ trợ gồm án lệ và ý kiến của học giả có uy tín. Trong khi đó, ITLOS là cơ quan tài phán được thành lập trên cơ sở UNCLOS và về nguyên tắc phải áp dụng Công ước và các quy phạm khác của luật quốc tế không trái với Công ước (Điều 293(1) UNCLOS). Chưa bàn đến nội dung cụ thể của từng đề nghị ý kiến tư vấn thì bản thân quy định về luật áp dụng phần nào giới hạn cách tiếp cận của ITLOS hơn ICJ khi đưa ra ý kiến tư vấn của mình.

Theo ILC, xung đột từ cách giải thích của các cơ quan tài phán có thể được giải quyết thông qua sự hình thành của một luật mới giữa các quốc gia hoặc phối hợp học thuyết pháp lý giữa các cơ quan⁵⁰. Việc dẫn chiếu đến các phán quyết hay ý kiến tư vấn của các cơ quan tài phán quốc tế khác có thể giúp đạt được sự thống nhất trong giải quyết vấn đề này⁵¹. Bản thân trong ý kiến tư vấn

gia liên quan đến biến đổi khí hậu (Ý kiến tư vấn ngày 23/7/2025), <https://www.icj-cij.org/sites/default/files/case-related/187/187-20250723-adv-01-00-en.pdf>, truy cập 29/10/2025.

⁵⁰ International Law Commission (2006), tldđ, đoạn 52, tr. 18. Nguyên văn: “*Either States adopt a new law that settles the conflict, or the institutions will seek to coordinate their jurisprudence in the future*”.

⁵¹ Xem thêm tại: Maria Antonia Tigre, Armando Rocha (2023), “Competing Perspectives and Dialogue in Climate Change Advisory Opinions”, *AJIL Unbound*, <https://www.cambridge.org/core/journals/american->

năm 2024, ITLOS đã dẫn chiếu đến các án lệ và ý kiến tư vấn của ICJ để hỗ trợ cho lập luận pháp lí của mình, như ý kiến tư vấn về Hệ quả pháp lí đối với các quốc gia của việc tiếp tục có sự hiện diện của Nam Phi tại Namibia (Tây Nam Phi) bất chấp Nghị quyết 276 của Hội đồng Bảo an (nguyên tắc giải thích điều ước)⁵², hay vụ Nhà máy bột giấy trên sông Uruguay (Argentina v. Uruguay) (nghĩa vụ cẩn trọng thích đáng (due diligence))⁵³... Điều này cho thấy cách tiếp cận của ITLOS trong việc giải thích và áp dụng UNCLOS trong một khuôn khổ rộng hơn của luật quốc tế, bao gồm cả các học thuyết pháp lí của ICJ. Ở chiều ngược lại, ICJ cho rằng, mặc dù không bị ràng buộc phải tuân theo cách giải thích UNCLOS của ITLOS, nhưng trong phạm vi mà toà được yêu cầu giải thích Công ước, việc xem xét giải thích của ITLOS là cần thiết nhằm đạt được sự rõ ràng và thống nhất của luật quốc tế⁵⁴. Thực tế, trong ý kiến tư vấn đưa ra năm 2025, ICJ đã nhắc đến ý kiến tư vấn của ITLOS tổng cộng 20 lần⁵⁵. Bên cạnh đó, bằng phương pháp giải thích điều ước được quy định tại Điều 31 và Điều 32 Công ước Viên năm 1969, đặc biệt là cách tiếp cận tích hợp hệ thống, ICJ đã xác định và làm rõ các

nghĩa vụ được quy định trong các điều ước về biến đổi khí hậu⁵⁶, UNCLOS⁵⁷ hay mối quan hệ giữa các điều ước trong lĩnh vực môi trường⁵⁸.

Kết luận

Trong bối cảnh luật quốc tế chứng kiến xu hướng phân mảnh do sự phát triển của các ngành luật và cơ quan tài phán quốc tế, giải thích điều ước đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự thống nhất của luật quốc tế. Các phương pháp giải thích được quy định tại Điều 31 và Điều 32 Công ước Viên năm 1969 cho phép cơ quan tài phán quốc tế đảm bảo sự nhất quán trong lập luận pháp lí của mình cũng như liên kết các quy phạm khác nhau trong tổng thể hệ thống, hạn chế nguy cơ xung đột và thúc đẩy sự thống nhất trong áp dụng. Như vậy, việc cơ quan tài phán quốc tế sử dụng các phương pháp giải thích theo Công ước Viên năm 1969 sẽ không chỉ làm rõ ý định của các bên kí kết mà còn là một phương thức giúp duy trì tính thống nhất trước xu hướng phân mảnh của luật quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carlo Focarelli (2019), *International Law*, Edward Elgar Publishing, Anh.
2. Edward Guntrip (2017), “Urbaser v Argentina: The Origins of a Host State Human Rights Counterclaim in ICSID Arbitration?”, *EJIL:Talk!*, <https://www.ejiltalk.org/urbaser-v-argentina-the-origins>

journal-of-international-law/article/competing-perspectives-and-dialogue-in-climate-change-advisory-opinions/8288C076C455C99513CCB025010A37D6, truy cập 27/4/2025.

⁵² ITLOS (2024), tldrđ, đoạn 135.

⁵³ ITLOS (2024), tldrđ, đoạn 235.

⁵⁴ ICJ (2025), tldrđ, đoạn 338.

⁵⁵ ICJ (2025), tldrđ, đoạn 123, 138, 140, 252, 275, 276, 281, 287, 291, 302, 304, 313, 314, 340, 342, 343, 344, 346, 347, 351.

⁵⁶ ICJ (2025), tldrđ, đoạn 176-177, 184, 224.

⁵⁷ Xem thêm tại: ICJ (2025), tldrđ, đoạn 339-354.

⁵⁸ ICJ (2025), tldrđ, đoạn 188-190.

- of-a-host-state-human-rights-counter-claim-in-icsid-arbitration/
3. Eirik Bjorge (2014), *The Evolutionary Interpretation of Treaties*, Oxford University Press, Anh.
 4. G G Fitzmaurice (1951), “Law and Procedure of the International Court of Justice: Treaty Interpretation and Certain Other Treaty Points”, *British Year Book of International Law*, 28.
 5. Georges Abi-Saab, et al. (eds) (2019), *Evolutionary Interpretation and International Law*, Hart Publishing, Anh.
 6. International Law Commission (2006), *Fragmentation of international law: difficulties arising from the diversification and expansion of international law*, A/CN.4/L.682, https://legal.un.org/ilc/documentation/english/a_cn4_l682.pdf
 7. International Law Commission (2018), *Draft conclusions on subsequent agreements and subsequent practice in relation to the interpretation of treaties*, https://legal.un.org/ilc/texts/instruments/english/draft_articles/1_11_2018.pdf
 8. Isabelle Van Damme (2014), “Is Evolutionary Interpretation Only A Matter of Finding the Parties’ Intentions?”, *EJIL:Talk!*, <https://www.ejiltalk.org/is-evolutionary-interpretation-only-a-matter-of-finding-the-parties-intentions/>
 9. James Crawford (2014), *Chance, Order, Change: The Course of International Law - General Courses on Public International Law*, The Hague Academy of International Law, Maubeuge.
 10. Maria Antonia Tigre, Armando Rocha (2023), “Competing Perspectives and Dialogue in Climate Change Advisory Opinions”, *AJIL Unbound*, <https://www.cambridge.org/core/journals/american-journal-of-international-law/article/competing-perspectives-and-dialogue-in-climate-change-advisory-opinions/8288C076C455C99513CCB025010A37D6>
 11. Ngô Trọng Quân (2025), “Cơ chế đảm bảo thực hiện luật thương mại quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo đảm thực hiện luật quốc tế - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
 12. Nguyễn Hồng Thao (2025), “Bảo đảm thực hiện luật quốc tế trong bối cảnh mới”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo đảm thực hiện luật quốc tế - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
 13. Sujoy Sur (2017), “Urbaser v. Argentina: Analysing the Expanding Scope of Investment Arbitration in light of Human Rights Obligations”, *EFILA Blog*, <https://efila-blog.org/2017/05/02/urbaser-v-argentina-analysing-the-expanding-scope-of-investment-arbitration-in-light-of-human-rights-obligations/>
 14. Thomas M. Franck (1995), *Fairness in International Law and Institutions*, Oxford University Press, Anh.
 15. United Nations (2013), *Report of the International Law Commission - Sixty-fifth session (6 May-7 June and 8 July-9 August 2013)*, A/68/10, https://legal.un.org/ilc/documentation/english/reports/a_68_10.pdf